|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**Số: 384 /QĐ-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2015*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai**

**thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định công bố, công khai thủ tục hành chính và chế độ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 123/TNMT-VP ngày 05/02/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công bố công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 4;- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;- CT và các PCT UBND tỉnh;- VP: CVP, PCVP và CV;- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;- Lưu VT, ĐC. | **CHỦ TỊCH****Đã ký-Nguyễn Văn Cao**  |

**PHỤ LỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC**

**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2015*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Ghi chú:**

- "*Bản chính"* được hiểu là các văn bản đã được đóng dấu đỏ và có chữ ký;

- "*Bản sao*" được hiểu là các văn bản được sao chụp từ văn bản chính (không cần công chứng);

- "*Bản sao hợp lệ*" được hiểu là các văn bản được sao chụp từ văn bản chính (có công chứng chứng thực);

- "*Bản thảo*" được hiểu là các văn bản do các ngành dự thảo và có chữ ký tắt của Thủ trưởng cơ quan.

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai |
| 2 | Thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã |

 **PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

**1. Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

- Người sử dụng đất nộp Phiếu yêu cầu cung cấp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào Sổ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả và trao Phiếu tiếp nhận và trả kết quả cho người nộp;

- Đối với các trường hợp khai thác dữ liệu cần phải tổng hợp, xử lý trước khi cung cấp thì phải thực hiện bằng hình thức hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu.

- UBND xã, phường, thị trấn tiếp nhận, xử lý và thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho hộ gia đình, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời cho tổ chức, cá nhân biết.

- Sau khi hộ gia đình, cá nhân thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, UBND xã, phường, thị trấn cung cấp dữ liệu đất đai thực hiện cung cấp dữ liệu đất đai theo yêu cầu.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

Người sử dụng đất nộp Phiếu yêu cầu cung cấp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã, phường, thị trấn.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (bản chính);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (*bản sao hợp lệ*), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**1.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo;

- Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.

**1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

**1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan phối hợp (nếu có):

**1.7. Kết quả thực hiện TTHC:**

Văn bản tổng hợp thông tin dữ liệu đất đai theo yêu cầu.

**1.8. Lệ phí (nếu có):**

a) Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai;

b) Chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu;

c) Chi phí gửi tài liệu (nếu có).

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân thông qua mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai theo Mẫu số 01/PYC ban hành kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai theo mẫu số 02 ban hành Kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)**: Không

**1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

-Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01/PYC*(Kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------***………., ngày ….. tháng ….. năm ………* | **PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ****Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:** ……… *Giờ … phút, ngày …/…/… Quyển số …….. Số thứ tự ……………***Người nhận hồ sơ***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: …………………………………………………………..

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:

..................................................................................................................................

Đại diện là ông (bà) ……………………………. Số CMTND/Hộ chiếu .....................

cấp ngày …../…../……. tại ……………………; Quốc tịch ........................................

2. Địa chỉ: .................................................................................................................

..................................................................................................................................

3. Số điện thoại ……………………; fax …………………; E-mail: ............................ ;

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp của Thửa đất số ………………………………, địa chỉ

*Đánh dấu "X" vào nội dung cần cung cấp thông tin):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **□ Thửa đất 1****□ Người sử dụng đất 2****□ Quyền sử dụng đất****□ Tài sản gắn liều với đất****□ Tình trạng pháp lý** | **□ Lịch sử biến động****□ Quy hoạch sử dụng đất****□ Trích lục bản đồ****□ Trích sao GCNQSDĐ****□ Giao dịch đảm bảo** | **□ Hạn chế về quyền****□ Giá đất****□ *Tất cả thông tin trên*** |

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

.......................................................................................................................................

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả: ....................................... *bộ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **□ Bản giấy sao chụp****□ Gửi EMS theo địa chỉ** | **□ Nhận tại nơi cung cấp** **□ Fax** | **□ Lưu trữ điện tử USB, CD****□ Email** |

7. Cam kết sử dụng dữ liệu: Tôi cam đoan không sử dụng dữ liệu được cung cấp trái với quy định của pháp luật và không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.

|  |  |
| --- | --- |
|    | NGƯỜI YÊU CẦU*(Ký, ghi rõ họ tênvà đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức)* |

1 Dữ liệu Thửa đất bao gồm: Số hiệu thửa đất, số tờ BĐĐC, diện tích, địa chỉ.

2 Dữ liệu Người sử dụng đất bao gồm: Họ tên vợ chồng, năm sinh, CMND, địa chỉ.

Mẫu số 02

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**

*(Kèm theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| ……………………**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:        /HĐCCTT | *…………., ngày    tháng    năm ……….* |

**HỢP ĐỒNG**

**CUNG CẤP DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**

- Căn cứ Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôn nay, ngày ….. tháng ….. năm ….., tại ……………., chúng tôi gồm:

**1. Bên cung cấp dữ liệu (Bên A):**

Cơ sở dữ liệu ………………………….. thuộc .........................................................

Đại diện ...................................................................................................................

Chức vụ: ..................................................................................................................

Địa chỉ: .....................................................................................................................

Điện thoại ……………………….., Fax: ………………….. Email: .............................

**2. Bên yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (Bên B):**

Tên tổ chức, cá nhân: ..............................................................................................

Đại diện: ...................................................................................................................

Chức vụ: ..................................................................................................................

Địa chỉ: .....................................................................................................................

Điện thoại ………………………, Fax: ………….........….. Email: .............................

Số tài khoản: ...........................................................................................................

Hai bên nhất trí thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp dữ liệu đất đai như sau:

**Điều 1.** Nội dung hợp đồng:

*(về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu)*

..................................................................................................................................

..................................................................................................................................

**Điều 2.** Thời gian thực hiện:

………………… ngày, kể từ ngày ………. tháng …….. năm ...................................

**Điều 3.** Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:

- Hình thức khai thác, sử dụng: ................................................................................

- Khai thác sử dụng thông qua việc truy cập:............................................................

- Nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu: .........................................................

- Nhận gửi qua đường bưu điện: .............................................................................

**Điều 4.** Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Phí và chi phí phải trả cho việc cung cấp dữ liệu đất đai là: ..........................  đồng.

(Bằng chữ: .....................................................................................................  đồng)

Trong đó: Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai là: ....................................  đồng

Phí dịch vụ cung cấp dữ liệu là: ......................................................................  đồng

Số tiền đặt trước: ............................................................................................  đồng

Hình thức thanh toán *(tiền mặt, chuyển khoản):* .......................................................

**Điều 5.** Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên:

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**Điều 6.** Bổ sung, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng và xử lý tranh chấp:

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**Điều 7.** Điều khoản chung

1. Hợp đồng này được làm thành …………. Bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, bên A giữ ……… bản, bên B giữ ……… bản.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ............................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN B***(Ký tên, đóng dấu đối với tổ chức, ghi họ tên đối với cá nhân)* | **BÊN A***(Ký tên, đóng dấu)* |

**2. Thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã:**

**2.1. Trình tự thực hiện:**

- Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai;

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất;

- Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành;

- Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận được. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành;

- Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng;

- Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì UBND xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

**2.2. Cách thức thực hiện:**

Người có đơn yêu cầu hòa giải gửi đơn đến UBND cấp xã.

**2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai (bản chính);

- Giấy tờ, tài liệu liên quan đến nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất…(nếu có) (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**2.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày.

**2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

**2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

**2.7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu UBND cấp xã);

- Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.

**2.8. Lệ phí (nếu có):** Không

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không

**2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.